TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:141/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11–7–2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Lê Quốc Thới
- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã VTT, huyện Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: ấp GN, xã ĐH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Q và anh T sống chung với nhau vào năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả nhau. Chị và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Trần Bảo T, sinh ngày 28/4/2012, hiện đang sống với chị Q.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Phạm Thị Q và anh Trần Quốc T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trần Quốc Thắng có địa chỉ cư trú tại ấp GN, xã ĐH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Q và anh Trần Quốc T không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Phạm Thị Q có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Q đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, anh Trần Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh T hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Phạm Thị Q và anh Trần Quốc T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị Q và anh Trần Quốc T là vợ chồng.

Về nuôi dưỡng con chung: Chị Q và anh T có một con chung là Trần Bảo T, sinh ngày 28/4/2012, hiện đang sống với chị Q.

Sau khi ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi cháu T. Xét thấy, anh T không có ý kiến gì về việc chị Q yêu cầu nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị Q nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này chị Q và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Q và anh T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị Q phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố chị Phạm Thị Q và anh Trần Quốc T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Bảo T, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Phạm Thị Q nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Q phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004318 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Phạm Thị Q có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỳ